

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình	KỸ THUẬT TÀU THỦY Naval Architecture
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Ngành đào tạo	Kỹ thuật tàu thủy
Mã số	8520122
Định hướng đào tạo	Ứng dụng
Khối lượng kiến thức	61 tín chỉ
Thời gian đào tạo	2 năm đối với hình thức toàn thời gian 2,5 năm đối với hình thức bán thời gian
Khoa đào tạo	Kỹ thuật Giao thông.
Quyết định ban hành	Số 1139/QĐ-ĐHNT ngày 24/9/ 2018.

I. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật tàu thủy theo định hướng ứng dụng dành cho những người đã tốt nghiệp đại học thuộc các nhóm ngành Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật cơ khí động lực, ... và các nhóm ngành gần như Kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật cơ khí, Khoa học hàng hải, ... có nhu cầu cập nhật, bổ sung, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên ngành và vận dụng kiến thức về các phương pháp tính toán thiết kế hiện đại, các kỹ thuật sản xuất tiên tiến, quản lý và quản trị sản xuất, ... vào thực tiễn.

II. Mục tiêu đào tạo:

Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kỹ thuật tàu thủy theo định hướng ứng dụng giúp cho người học cập nhật, bổ sung và nâng cao những kiến thức chuyên ngành và kỹ năng, khả năng làm việc độc lập, năng động sáng tạo để kịp thời phát hiện, giải quyết những vấn đề phức tạp về tính toán, thiết kế, tối ưu hóa; phân tích, đánh giá độ bền, độ tin cậy, mức độ đáp ứng; công nghệ mới trong thi công, đối với các dạng tàu thủy và công trình biển hiện đại.

III. Chuẩn đầu ra:

Học viên hoàn thành chương trình Kỹ thuật tàu thủy theo định hướng ứng dụng sẽ có được các kiến thức và kỹ năng sau:

- 1) Ứng dụng được các kiến thức nâng cao và kỹ năng chuyên nghiệp về phương pháp tính toán, thiết kế tiên tiến để giải quyết những vấn đề phát sinh trong thiết kế, thi công của ngành Kỹ thuật tàu thủy.
- 2) Tính toán, lựa chọn hợp lý các loại vật liệu mới, các kỹ thuật gia công tiên tiến trong thiết kế, chế tạo phù hợp với điều kiện sử dụng cụ thể.
- 3) Vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong việc nâng cao độ tin cậy, hiệu quả sử dụng, kỹ thuật thử nghiệm các thiết bị, công trình, ... trong ngành kỹ thuật tàu thủy.

- 4) Lập kế hoạch thi công, giám sát, quản lý chất lượng trong ngành kỹ thuật tàu thủy.
- 5) Sử dụng được phần mềm chuyên dụng để tính toán, thiết kế, mô phỏng trong ngành kỹ thuật tàu thủy.
- 6) Tổ chức quản lý và điều hành tại các cơ quan, đơn vị, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong ngành kỹ thuật tàu thủy và các ngành liên quan.
- 7) Có kỹ năng ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung ngoại ngữ quốc gia.

IV. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

- 1) Cán bộ kỹ thuật ở các cơ quan đăng kiểm tàu thủy, tư vấn, bảo hiểm, giám định chất lượng, các cơ sở thiết kế, đóng mới, sửa chữa, ... trong ngành kỹ thuật tàu thủy.
- 2) Giảng dạy chuyên môn trong các cơ sở giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành kỹ thuật tàu thủy và các ngành khác có liên quan.
- 3) Quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong ngành kỹ thuật tàu thủy và các ngành khác có liên quan.

V. Đối tượng tuyển sinh và các môn thi tuyển

1. Điều kiện về văn bằng đại học và thạc sĩ chuyên môn

TT.	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Hạng tốt nghiệp	Yêu cầu bổ sung kiến thức	Thâm niên công tác
1	<p>Ngành đúng, phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật tàu thủy (Cơ khí tàu thuyền, Động lực tàu, Máy tàu, Đóng tàu thủy, Vận hành và khai thác máy tàu...) - Kỹ thuật cơ khí động lực (Cơ khí thủy sản, Động cơ nhiệt...) - Công nghệ kỹ thuật ô tô (Kỹ thuật ô tô - máy kéo, Kỹ thuật xe cơ giới...) - Kỹ thuật giao thông (Cơ khí giao thông) - Kỹ thuật Hàng không 	Chính quy Vừa làm vừa học (tại chức)	Trung bình	Không	0
2	<p>Ngành gần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật cơ khí (Cơ khí nông nghiệp, Cơ khí xây dựng, Công nghệ Kỹ thuật cơ khí) - Công nghệ chế tạo máy (Chế tạo máy, Kỹ thuật chế tạo) - Khoa học hàng hải (An toàn hàng hải, Điều khiển tàu biển, Kỹ thuật khai thác thủy sản) - Kỹ thuật nhiệt, Cơ kỹ thuật, Kỹ thuật cơ điện tử - Kỹ thuật xây dựng 	Chính quy Vừa làm vừa học (tại chức)	Trung bình	Có	0

2. Danh mục học phần bổ sung kiến thức

Tùy theo chương trình học ghi trong bảng điểm và định hướng chuyên ngành, học viên thuộc đối tượng có bằng đại học ngành gần phải học bổ túc tổng khối lượng các học phần không quá 12 tín chỉ. Chủ tịch Hội đồng Khoa sẽ chọn trong số các học phần sau:

TT.	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
1	NAA338	Lý thuyết tàu thủy	4
2	NAA431	Kết cấu – Sức bền tàu thủy	4
3	NAA353	Thiết kế thân tàu thủy	3
4	NAA311	Công nghệ đóng mới tàu vỏ thép	3
5	MEM321	Cơ lưu chất	3
6	NAA343	Kỹ thuật vẽ tàu	4

3. Các môn thi tuyển

TT.	Môn thi
1	Sức bền vật liệu
2	Toán cao cấp
3	Tiếng Anh

VI. Cấu trúc chương trình

TT.	Nội dung	Số học phần	Số tín chỉ
1	Kiến thức chung	6	11
	- Bắt buộc	2	7
	- Tự chọn	4	4
2	Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	23	35
	- Bắt buộc	11	23
	- Tự chọn	12	12
3	Luận văn thạc sĩ	1	15
	Tổng	30	61

VII. Nội dung chương trình

1. Danh mục học phần

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Đáp ứng CDR	Học phần tiên quyết
1. Kiến thức chung		11		
1.1. Các học phần bắt buộc		7		
POS501	Triết học/ <i>Philosophy</i>	3(3-0)		
FLS501	Tiếng Anh/ <i>English</i>	4(4-0)	7	
1.2. Các học phần tự chọn		4		

BUA521	Khoa học quản lý/ <i>Scientific Management</i>	2(2-0)	6	
BUA518	Nghệ thuật lãnh đạo/ <i>Leadership</i>	2(2-0)	6	
BUA519	Quản trị sản xuất/ <i>Production Management</i>	2(2-0)	6	
GS509	Quản lý dự án/ <i>Project Management</i>	2(1,5-0,5)	6	
2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		35		
2.1. Các học phần bắt buộc		23		
MET520	Tối ưu hóa trong kỹ thuật/ <i>Optimization in Engineering</i>	3(2-1)	1,2,3,5,7	
MEM501	Vật liệu mới trong kỹ thuật/ <i>Advanced Engineering Materials</i>	2(1,5-0,5)	1, 2,7	
MEM503	Cơ học vật liệu nâng cao/ <i>Advanced Mechanics of Materials</i>	2(1,5-0,5)	1, 2	
NAA503	Lý thuyết độ tin cậy/ <i>Reliability Theory</i>	2(1,5-0,5)	1, 3	
NAA519	Phân tích kết cấu bằng phương pháp phần tử hữu hạn/ <i>Structural Analysis by Finite Element Method</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 5	MEM503
NAA521	Tính toán động lực học lưu chất/ <i>Computational Fluid Dynamics (CFD)</i>	2(1,5-0,5)	1, 3, 5	
NAA520	Kỹ thuật thử nghiệm tàu thủy/ <i>Ship Testing</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3	
NAA518	Tự động hóa thiết kế tàu thủy/ <i>Ship Design Automation</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 5	MET520
NAA507	Động lực học tàu cao tốc/ <i>Dynamics of High Speed Craft</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3	
NAA508	Độ bền va đập trong kết cấu công trình biển/ <i>Impact Strength in Marine Structures</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3,7	
NAA509	Kết cấu công trình biển/ <i>Marine Structures</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3	
2.2. Các học phần tự chọn		12		
NAA504	Kỹ thuật hàn tiên tiến/ <i>Advanced Welding Engineering</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3,7	
MET503	Tính toán – thiết kế kỹ thuật với sự hỗ trợ của máy tính/ <i>Computer Aided Engineering</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3, 5	
NAA501	Mô phỏng độ bền kết cấu thân tàu thủy/ <i>Numerical Simulation in Strength of Ship Structures</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3, 5	
NAA516	Rung động và tiếng ồn/ <i>Vibration and Noise</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3	
MEM502	Cơ học vật liệu Composite/ <i>Mechanics of Composite Materials</i>	2(1,5-0,5)	1, 2	MEM503
NAA510	Công nghệ hiện đại trong đóng tàu và công trình biển/ <i>Advances Production Technology of Ship and Offshore Structures</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3, 4	
MET517	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất/ <i>Production</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3, 4,7	

	<i>Planning and Scheduling</i>			
NAA511	Thiết kế kết cấu tàu thủy nâng cao/ <i>Advanced Design of Ship Structures</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3	
NAA512	Quản lý dự án đóng tàu/ <i>Shipbuilding Project Management</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3, 4,7	
NAA513	Sức cản tàu nâng cao/ <i>Advances in Ship Resistance</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3	
NAA514	Chống ăn mòn công trình biển/ <i>Corrosion Protection in Marine Steel Structures</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3	
NAA515	Động lực học công trình biển/ <i>Dynamics of Marine Structures</i>	2(1,5-0,5)	1, 4, 5	
GS508	Phương pháp nghiên cứu trong kỹ thuật/ <i>Engineering Research Methods</i>	2(1,5-0,5)	1, 2, 3	
GS510	Thiết kế và phân tích thí nghiệm/ <i>Design and Analysis of Experiments</i>	2(1,5-0,5)	1, 3	
3. Luận văn		15		
TE601	Luận văn thạc sĩ/ <i>Master Thesis</i>	15	1 ÷ 7	
Tổng cộng:		61		

4. Mô tả học phần

- POS501 Triết học 3(3-0)**
 Học phần khái quát về các vấn đề: Các đặc trưng của triết học phương Đông, triết học phương Tây và triết học trước Mác; các nội dung nâng cao về triết học Mác-Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, làm rõ vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học tự nhiên và khoa học xã hội; Ý thức khoa học; Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội; phân tích vai trò của khoa học đối với đời sống xã hội.
- BUA521 Khoa học quản lý 2(2-0)**
 Học phần được tạo lập từ những kiến thức chuyên sâu về khoa học quản lý bao gồm: hệ thống tri thức liên quan tới bản chất của quản lý; các nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ bản; phong cách quản lý và nghệ thuật quản lý trong thế kỷ XXI; các quan điểm tiếp cận mới đối với các chức năng quản lý; lập kế hoạch và ra quyết định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra.
- BUA518 Nghệ thuật lãnh đạo 2(2-0)**
 Học phần đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về nghệ thuật lãnh đạo, làm rõ sự khác biệt giữa quản trị và lãnh đạo. Học phần này đi sâu vào những vấn đề cơ bản như: cơ sở hình thành, cách thức sử dụng, duy trì và phát triển quyền lực. Cụ thể, nghiên cứu những phẩm chất và kỹ năng của nhà lãnh đạo, các tình huống, phong cách lãnh đạo và lãnh đạo mới về chất.
- BUA519 Quản trị sản xuất 2(2-0)**
 Học phần đề cập đến các vấn đề liên quan đến quản trị hiệu quả hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, nội dung chính bao gồm: Những vấn đề chung của quản trị sản xuất; năng xuất, năng lực cạnh tranh và chiến lược sản xuất; Quyết định về sản phẩm và công nghệ; Phân bố và đo lường công việc; Bảo trì và sự tin cậy; Hệ thống sản xuất đúng lúc; Hệ thống sản xuất tinh gọn.

- GS509 Quản lý dự án 2(1,5-0,5)**
 Học phần Quản lý dự án cung cấp cho người học những kiến thức về tổng thể của dự án về các khía cạnh như: quản lý, kỹ thuật, kinh tế, tài chính trong mỗi giai đoạn của dự án. Nội dung chính gồm: giới thiệu về sự phát triển và quản lý dự án, các giai đoạn của việc lập kế hoạch và quản lý dự án, tổ chức nhân sự và điều hành dự án, kỹ thuật quản lý dự án (lập kế hoạch, quản lý tiến độ, quản lý chất lượng, quản lý chi phí, quản lý nguồn lực, quản lý truyền thông và quản lý rủi ro); sử dụng phần mềm Microsoft Project để hỗ trợ quản lý dự án.
- GS508 Phương pháp nghiên cứu trong kỹ thuật 2(1,5-0,5)**
 Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về NCKH, bao gồm những khái niệm, thuật ngữ và hệ thống lý luận về phương pháp NCKH đặc biệt trong ngành kỹ thuật, bắt đầu từ việc tìm hiểu, đặt các câu hỏi nghiên cứu, đặt tên đề tài, xây dựng đề cương nghiên cứu, triển khai kế hoạch nghiên cứu, cho đến việc trình bày và công bố các kết quả nghiên cứu.
- GS510 Thiết kế và phân tích thí nghiệm 2(1,5-0,5)**
 Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về phương pháp quy hoạch thực nghiệm, thiết kế và phân tích thí nghiệm bao gồm phân tích hồi qui chuyên sâu, xây dựng các ma trận thí nghiệm theo mặt đáp ứng bậc hai, cách phân tích các mặt đáp ứng thu được, phương pháp tối ưu. Bên cạnh đó người học được hướng dẫn sử dụng một số phần mềm hỗ trợ.
- MET520 Tối ưu hóa trong kỹ thuật 3(2-1)**
 Học phần cung cấp kiến thức về lý thuyết tối ưu hóa và các phương pháp, kỹ năng giải bài toán tối ưu trong kỹ thuật bao gồm các vấn đề như thiết kế tối ưu và tối ưu hóa trong kỹ thuật, cách thiết lập các bài toán thiết kế tối ưu, các phương pháp giải bài toán tối ưu không có ràng buộc, có ràng buộc; tổ chức quy hoạch thực nghiệm hoặc mô phỏng số để giải các bài toán tối ưu trong thiết kế; phương pháp giải các bài toán tối ưu đơn và đa mục tiêu; sử dụng các phần mềm chuyên dụng để hỗ trợ giải các bài toán tối ưu.
- MEM501 Vật liệu mới trong kỹ thuật 2(1-1)**
 Học phần cung cấp kiến thức nâng cao về vật liệu dẻo, composite, vật liệu gốm sứ, vật liệu sinh học và các kiến thức cơ bản về vật liệu nano.
- MEM503 Cơ học vật liệu nâng cao 2(1-1)**
 Học phần cung cấp cho học viên nền tảng kiến thức về (1) Các đặc trưng của cơ học vật liệu; (2) Các mode hư hỏng và các tiêu chuẩn đánh giá bền; (3) Ứng xử cơ học của vật liệu dưới tác dụng ngoại lực phức tạp (tải tĩnh, mỏi, đảo, nút gãy,...); (4) Cơ học vật liệu composite.
- NAA503 Lý thuyết độ tin cậy 2(1-1)**
 Học phần cung cấp kiến thức về lý thuyết độ tin cậy, gồm các chủ đề: cơ sở lý thuyết độ tin cậy, phương pháp đánh giá độ tin cậy của hệ thống kỹ thuật phương pháp đánh giá độ tin cậy của kết cấu.
- NAA519 Phân tích kết cấu bằng phương pháp phần tử hữu hạn 2(1-1)**
 Học phần cung cấp các kiến thức về phân tích độ bền kết cấu bằng phương pháp phần tử hữu hạn, gồm các chủ đề: Cơ sở lý thuyết của phương pháp phần tử hữu hạn; Phân tích độ bền kết cấu bằng phương pháp phần tử hữu hạn; Phân tích độ bền kết cấu trên máy tính.
- NAA521 Tính toán động lực học lưu chất 2(1-1)**
 Học phần cung cấp các kiến thức về phương pháp tính toán động lực học lưu chất

(CFD), gồm các chủ đề: Giới thiệu phương pháp tính động lực học lưu chất; Cơ sở lý thuyết của CFD; Mô hình hóa và mô phỏng; Sử dụng phần mềm CFD để giải một số bài toán trong ngành Cơ khí động lực.

- NAA520 Kỹ thuật thử nghiệm tàu thủy 2 (1-1)**
Học phần cung cấp các kiến thức và thiết bị liên quan đến kỹ thuật thử nghiệm tàu thủy, gồm các chủ đề : Thử nghiệm mô hình xác định sức cản vỏ tàu ; Thử nghiệm chân vịt tàu ; Thử nghiệm các tính năng đi biển của tàu.
- NAA518 Tự động hóa thiết kế tàu thủy 2(1-1)**
Học phần cung cấp các kiến thức trong tự động hóa thiết kế tàu thủy, gồm các chủ đề : Cơ sở lý thuyết trong tự động hóa thiết kế tàu thủy ; Thuật toán và lập trình giải một số bài toán trong thiết kế tàu ; Thiết kế tàu trên máy tính.
- NAA507 Động lực học tàu cao tốc 2(1,5-0,5)**
Học phần nghiên cứu về động lực học tàu cao tốc và tàu nửa lướt. Nghiên cứu sức cản và sự đẩy tàu trong nước tĩnh. Nghiên cứu bản chất sóng - nền tảng cho việc tính toán sức cản tàu. Nghiên cứu tàu cánh ngầm và lý thuyết cánh: Giới thiệu tàu cánh ngầm; các đặc trưng vật lý; Lý thuyết cánh; Công thức tính lực nâng cánh. Động lực học tàu lướt; Thực hành: Thiết kế tàu cánh ngầm.
- NAA508 Độ bền va đập trong kết cấu công trình biển 2(1,5-0,5)**
Học phần nghiên cứu về khái niệm và các phương pháp tính toán độ bền va đập trong kết cấu thép nói chung, kết cấu công trình thủy nói riêng; làm bài tập về xác định độ bền va đập trong kết cấu công trình thủy theo quy phạm và theo mô phỏng số.
- NAA504 Kỹ thuật hàn tiên tiến 2(1,5-0,5)**
Học phần nghiên cứu về kỹ thuật hàn tiên tiến, gồm các chủ đề : tổng quan, hàn chảy, hàn không chảy, các phương pháp hàn để gia cố và phục vụ bề mặt chi tiết máy, kiểm tra chất lượng mối hàn.
- MET503 Tính toán – thiết kế kỹ thuật với sự hỗ trợ của máy tính 2(1,5-0,5)**
Tổng quan về CAE ; Phương pháp phần tử hữu hạn trong CAE ; Ứng dụng CAE giải các bài toán ứng suất và biến dạng ; Ứng dụng CAE giải các bài toán động học và động lực học ; Ứng dụng CAE giải các bài toán về cơ chất lỏng ; Quy hoạch thực nghiệm và giải bài toán tối ưu hóa với sự trợ giúp của máy tính.
- NAA501 Mô phỏng độ bền kết cấu tàu thủy 2(1,5-0,5)**
Học phần nghiên cứu về mô phỏng độ bền và điều kiện làm việc của các kết cấu thân tàu, gồm các chủ đề : giới thiệu chung, mô phỏng độ bền của các kết cấu dầm, mô phỏng độ bền của tấm, mô phỏng độ bền chung của tàu.
- NAA516 Rung động và tiếng ồn 2(1,5-0,5)**
Học phần nghiên cứu về các bài toán dao động kỹ thuật đặc biệt là dao động tàu thủy bao gồm các chủ đề sau : Cơ sở về dao động kỹ thuật ; dao động tàu thủy ; các biện pháp ngăn ngừa và giảm rung cho tàu ; thực hành đo dao động và tiếng ồn tàu thủy.
- MEM502 Cơ học vật liệu Composite 2(1,5-0,5)**
Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các tính chất cơ học và phân tích độ bền vật liệu Composite, gồm các chủ đề: Giới thiệu vật liệu Composite; Phân tích vĩ mô và vi mô lớp vật liệu Composite; Cơ học vật liệu Composite nhiều lớp; Tính toán Composite nhiều lớp; Thử nghiệm xác định cơ tính một vài loại vật liệu composite.

- NAA510 Công nghệ hiện đại trong đóng tàu và công trình biển** **2(1,5-0,5)**
 Học phần nghiên cứu những công nghệ hiện đại đang được sử dụng hiện nay trong đóng mới tàu thủy và công trình biển làm bằng thép, bao gồm các chủ đề: Tổng quan ; Công nghệ hiện đại trong chế tạo chi tiết kết cấu thép ; Công nghệ hiện đại trong đóng mới theo dạng phân đoạn, tổng đoạn ; Công nghệ hiện đại trong lắp ráp và hạ thủy.
- MET517 Lập kế hoạch và điều độ sản xuất** **2(1,5-0,5)**
 Học phần trang bị cho người học những khái niệm cơ bản về: kế hoạch sản xuất; dự báo và năng lực sản xuất; hệ thống kế hoạch sản xuất; tổ chức kế hoạch sản xuất; các công cụ phân tích, tính toán định lượng và định tính để lập và triển khai kế hoạch sản xuất.
- NAA509 Kết cấu công trình biển** **2(1,5-0,5)**
 Học phần cung cấp các kiến thức về kết cấu công trình biển gồm: kết cấu chân đế ; kết cấu khung gia cường ; kết cấu thượng tầng ; các phương pháp phân tích, tính toán kết cấu ; vật liệu dùng cho kết cấu ngoài khơi.
- NAA511 Thiết kế kết cấu tàu thủy nâng cao** **2(1,5-0,5)**
 Học phần cung cấp kiến thức về thiết kế kết cấu tàu thủy bao gồm việc sử dụng các phương pháp thiết kế hiện đại để tính toán, lựa chọn hợp lý kết cấu tàu thủy dựa trên cơ sở cơ học kết cấu và sức bền vật liệu nhằm đảm bảo độ an toàn và độ tin cậy. Sử dụng công cụ phần mềm chuyên ngành phân tích và thiết kế kết cấu tàu thủy
- NAA512 Quản lý dự án đóng tàu** **2(1,5-0,5)**
 Học phần nghiên cứu công việc quản lý dự án đóng tàu vỏ thép nói chung, bao gồm các chủ đề: Tổng quan về quản lý dự án đóng tàu, Lập kế hoạch cho dự án đóng tàu và Quản lý, kiểm soát dự án.
- NAA513 Sức cản tàu nâng cao** **2(1,5-0,5)**
 Học phần nghiên cứu chuyên sâu về phương pháp số dùng trong tính toán động lực học lưu chất (Computational Fluid Dynamics - CFD) để mô phỏng số và giải bài toán dòng chất lỏng chảy bao xung quanh vỏ tàu, gồm các chủ đề: Mô phỏng dòng chất lỏng nhớt bao xung quanh vỏ tàu; Các phương pháp giải phương trình Navier-Stokes; Các mô hình chảy rối; phần tử hữu hạn; Sử dụng các phần mềm phần tử hữu hạn.
- NAA514 Chống ăn mòn công trình biển** **2(1,5-0,5)**
 Học phần nghiên cứu về hệ thống chống ăn mòn trong công trình biển bằng kết cấu thép, bao gồm các chủ đề: Tổng quan về ăn mòn trong công trình biển, Phương pháp chống ăn mòn kiểu Cathode và Chống ăn mòn bằng hệ sơn phủ hiệu suất cao.
- NAA515 Động lực học công trình biển** **2(1,5-0,5)**
 Học phần cung cấp kiến thức về đặc trưng kết cấu công trình biển nói chung và công trình kết cấu xa bờ nói riêng, ảnh hưởng kết cấu do tác động từ môi trường biển, các phương pháp tính toán động lực học công trình biển, sử dụng phần mềm chuyên dụng trong việc thiết kế và mô phỏng các dạng kết cấu công trình biển.
- NAA601 Luận văn thạc sĩ** **15**
 Luận văn tốt nghiệp nhằm tổng hợp các kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề cụ thể liên quan đến ngành Kỹ thuật tàu thủy

4. Các hướng nghiên cứu chính/chủ đề chính của đề tài luận văn thạc sĩ

1. Công nghệ vật liệu mới
2. Mô phỏng số
3. Thiết kế tối ưu kết cấu tàu thủy và công trình biển
4. Thiết kế kết cấu tàu thủy và công trình biển theo phương pháp hiện đại
5. Thiết kế tàu cao tốc
6. Phân tích, đánh giá độ tin cậy, mức độ đáp ứng điều kiện làm việc của tàu thủy và công trình biển
7. Tính toán, đánh giá độ bền của kết cấu tàu thủy và công trình biển theo điều kiện làm việc
8. Lập kế hoạch thi công đóng mới tàu thủy và công trình biển

VIII. Tổ chức đào tạo; phương pháp dạy học; kiểm tra, đánh giá; và điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Nha Trang.

IX. Đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

1. Phụ trách các học phần

TT.	Học phần	Bộ môn quản lý	Giảng viên phụ trách
1	Triết học/ <i>Philosophy</i>	Lý luận chính trị	TS. Nguyễn Hữu Tâm NCS. Ngô Văn An
2	Tiếng Anh / <i>English</i>	Thực hành tiếng	TS. Trần Thị Minh Khánh TS. Võ Nguyễn Hồng Lam
3	Khoa học quản lý / <i>Scientific Management</i>	Quản trị kinh doanh	PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Trần Đình Chất
4	Nghệ thuật lãnh đạo / <i>Leadership</i>	Quản trị kinh doanh	TS. Trần Đình Chất PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Anh TS. Quách Thị Khánh Ngọc
5	Quản trị sản xuất / <i>Production Management</i>	Quản trị kinh doanh	TS. Quách Thị Khánh Ngọc TS. Nguyễn Văn Ngọc
6	Quản lý dự án / <i>Project Management</i>	ĐTSDH	TS. Lê Kim Long TS. Nguyễn Thị Hiền PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Anh
7	Phương pháp nghiên cứu trong kỹ thuật / <i>Engineering Research Methods</i>	ĐTSDH	PGS.TS Trần Gia Thái PGS.TS Đặng Xuân Phương
8	Thiết kế và phân tích thí nghiệm/ <i>Design and Analysis of Experiments</i>	ĐTSDH	PGS.TS Ngô Đăng Nghĩa PGS.TS Trần Gia Thái

9	Tối ưu hóa trong kỹ thuật/ <i>Optimization in Engineering</i>	Chế tạo máy	PGS.TS. Trần Gia Thái PGS.TS. Đặng Xuân Phương
10	Vật liệu mới trong kỹ thuật/ <i>Advanced Engineering Materials</i>	Cơ kỹ thuật	TS. Trần Doãn Hùng TS. Nguyễn Thắng Xiêm
11	Cơ học vật liệu nâng cao/ <i>Advanced Mechanics of Materials</i>	Cơ kỹ thuật	TS. Trần Hưng Trà TS. Quách Hoài Nam TS. Lê Nguyễn Anh Vũ
12	Lý thuyết độ tin cậy/ <i>Reliability Theory</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Phạm Thanh Nhựt
13	Phân tích kết cấu bằng phương pháp phần tử hữu hạn/ <i>Structural Analysis by Finite Element Method</i>	Kỹ thuật tàu thủy	PGS.TS. Trần Gia Thái TS. Huỳnh Lê Hồng Thái
14	Tính toán động lực học lưu chất/ <i>Computational Fluid Dynamics (CFD)</i>	Kỹ thuật tàu thủy	PGS.TS. Trần Gia Thái NCS. Trần Đình Tứ
15	Kỹ thuật thử nghiệm tàu thủy/ <i>Ship Testing</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Phạm Thanh Nhựt ThS. Huỳnh Văn Nhu
16	Tự động hóa thiết kế tàu thủy/ <i>Ship Design Automation</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Lê Hồng Thái PGS.TS. Trần Gia Thái
17	Động lực học tàu cao tốc/ <i>Dynamics of High Speed Craft</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Nguyễn Văn Đạt PGS.TS Trần Gia Thái
18	Độ bền va đập trong kết cấu công trình biển/ <i>Impact Strength in Marine Structures</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ NCS. Đỗ Quang Thắng
19	Kết cấu công trình biển/ <i>Marine Structures</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Trương Đắc Dũng
20	Kỹ thuật hàn tiên tiến/ <i>Advanced Welding Engineering</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Trần Hưng Trà
21	Tính toán – thiết kế kỹ thuật với sự hỗ trợ của máy tính/ <i>Computer Aided Engineering</i>	Chế tạo máy	PGS.TS. Đặng Xuân Phương TS. Quách Hoài Nam TS. Huỳnh Lê Hồng Thái
22	Mô phỏng độ bền kết cấu thân tàu thủy/ <i>Numerical Simulation in Strength of Ship Structures</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Huỳnh Lê Hồng Thái
23	Rung động và tiếng ồn/ <i>Vibration and Noise</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Lê Hồng Thái TS. Nguyễn Văn Thuận
24	Cơ học vật liệu Composite/ <i>Mechanics of Composite Materials</i>	Cơ kỹ thuật	TS. Quách Hoài Nam TS. Nguyễn Thắng Xiêm
25	Công nghệ hiện đại trong đóng tàu và công trình biển/ <i>Advances Production Technology of Ship and Offshore Structures</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Hoàng Văn Thọ

26	Lập kế hoạch và điều độ sản xuất / <i>Production Planning and Scheduling</i>	Chế tạo máy	PGS.TS. Đặng Xuân Phương TS. Huỳnh Văn Vũ
27	Thiết kế kết cấu tàu thủy nâng cao/ <i>Advanced Design of Ship Structures</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Lê Hồng Thái TS. Phạm Thanh Nhựt
28	Quản lý dự án đóng tàu/ <i>Shipbuilding Project Management</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Hoàng Văn Thọ
29	Sức cản tàu nâng cao/ <i>Advances in Ship Resistance</i>	Kỹ thuật tàu thủy	PGS.TS. Trần Gia Thái TS. Phạm Thanh Nhựt
30	Chống ăn mòn công trình biển/ <i>Corrosion Protection in Marine Steel Structures</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Dương Tử Tiên
31	Động lực học công trình biển/ <i>Dynamics of Marine Structures</i>	Kỹ thuật tàu thủy	TS. Huỳnh Lê Hồng Thái TS. Nguyễn Văn Đạt

2. Phụ trách các hướng nghiên cứu/chủ đề chính của đề tài luận văn

TT.	Hướng nghiên cứu/ Chủ đề chính	Giảng viên phụ trách
1	Công nghệ vật liệu mới	TS. Trần Doãn Hùng TS. Nguyễn Thắng Xiêm TS. Trần Hưng Trà TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Quách Hoài Nam TS. Dương Tử Tiên
2	Mô phỏng số ứng dụng trong kỹ thuật tàu thủy	PGS.TS Trần Gia Thái TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Huỳnh Lê Hồng Thái TS. Nguyễn Văn Thuận TS. Trương Đắc Dũng TS. Hoàng Văn Thọ
3	Thiết kế tối ưu kết cấu tàu thủy và công trình biển	PGS.TS Trần Gia Thái PGS.TS. Đặng Xuân Phương TS. Nguyễn Văn Đạt
4	Thiết kế kết cấu tàu thủy và công trình biển theo phương pháp hiện đại	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Huỳnh Lê Hồng Thái TS. Trương Đắc Dũng TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Hoàng Văn Thọ
5	Thiết kế tàu cao tốc	PGS.TS Trần Gia Thái TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Nguyễn Văn Đạt

		TS. Huỳnh Lê Hồng Thái TS. Phạm Thanh Nhựt
6	Phân tích, đánh giá độ tin cậy, mức độ đáp ứng điều kiện làm việc của tàu thủy và công trình biển	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Trần Hưng Trà TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Huỳnh Lê Hồng Thái TS. Trương Đắc Dũng
7	Tính toán, đánh giá độ bền của kết cấu tàu thủy và công trình biển theo điều kiện làm việc	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Trương Đắc Dũng TS. Phạm Thanh Nhựt TS. Huỳnh Lê Hồng Thái
8	Lập kế hoạch thi công đóng mới tàu thủy và công trình biển	TS. Huỳnh Văn Vũ TS. Nguyễn Văn Đạt TS. Hoàng Văn Thọ